



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THAN NGÀY

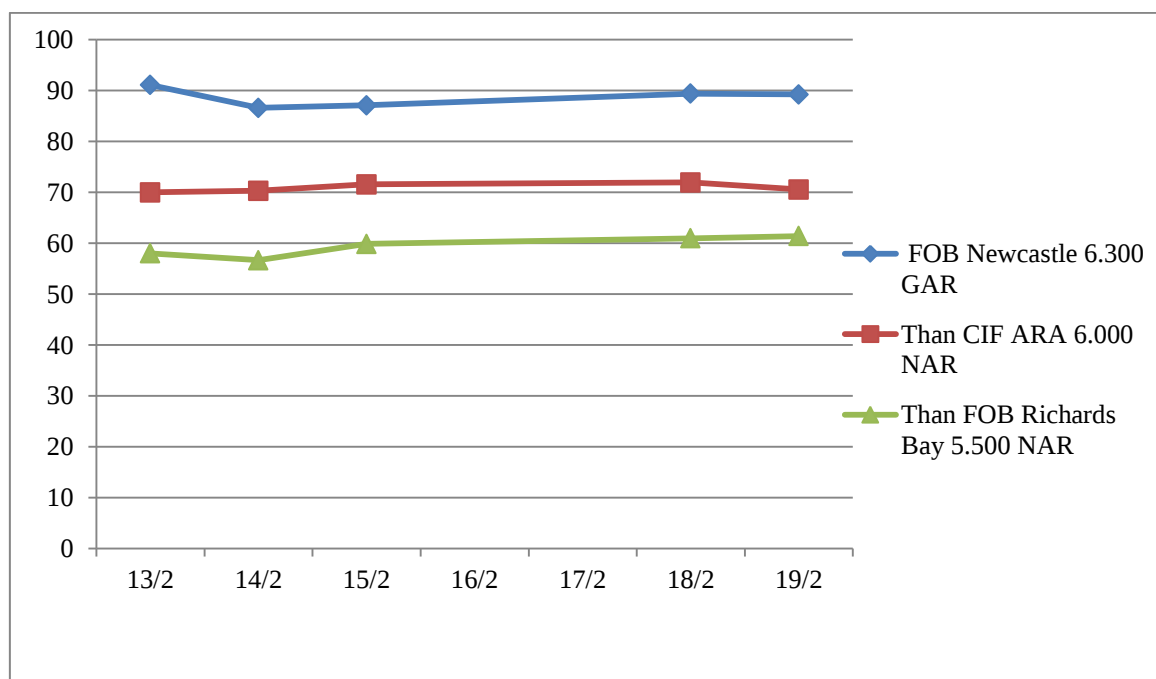
Ngày 25/02/2019

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Theo chuyển	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	89,25	-0,15	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	70,55	-1,40	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	61,40	+0,45	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	71,40	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	55,30	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	43,10	+0,60	290,39	+3,89
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	62,20	+0,00	419,08	-0,22
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	68,25	+0,00	459,84	-0,24

GIÁ THEO CHUYỂN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 19/2/2019)

ĐIỂM TIN

Nhu cầu sử dụng than toàn cầu đến năm 2040 được thúc đẩy bởi Ấn Độ và Đông Nam Á

Theo báo cáo năm 2019 về triển vọng năng lượng trong dài hạn của BP, nhu cầu sử dụng than nhiệt trên toàn cầu đến năm 2040 hầu như không biến động mạnh, mặc dù than nhiệt sẽ tiếp tục mất thị phần cho khí tự nhiên và năng lượng tái tạo trong hỗn hợp năng lượng toàn cầu. Mặc dù nhu cầu trong cả giai đoạn hầu như không đổi, các quốc gia và khu vực khác nhau sẽ phát triển theo những hướng đối lập.

Nhu cầu từ Ấn Độ sẽ chiếm chủ yếu, khoảng 500 triệu tấn từ năm 2017 đến năm 2040, khoảng một phần tư lượng than tiêu thụ toàn cầu vào năm 2040. Các nước châu Á đang phát triển khác dự kiến cũng sẽ chiếm gần 300 triệu tấn. Trong phần nhu cầu gia tăng, ngành điện Ấn Độ chiếm khoảng 350 triệu tấn và 250 triệu tấn ở các nước châu Á khác. Nhu cầu tiêu thụ than tại các nước Châu Âu, Mỹ và Trung Quốc sẽ giảm đến năm 2040 khi các nước này chuyển sang sử dụng nhiên liệu phát thải thấp và dự báo tốc độ phát triển kinh tế của Trung Quốc giảm xuống. Nhu cầu tiêu thụ than của một số ngành không đốt than như sử dụng làm nguyên liệu cho hóa dầu, chất bôi trơn và nhựa rải đường cũng tăng, mặc dù mức tăng tương đối nhỏ, chưa đến 100 triệu mtoe đến năm 2040, BP cho biết.

Glencore sẽ giới hạn sản lượng than khai thác, tập trung từ bỏ nhiên liệu hóa thạch

Một trong những công ty khai thác mỏ lớn nhất thế giới, Glencore, cho biết sẽ giới hạn sản lượng than đến năm 2020 và tập trung vào việc dần từ bỏ nhiên liệu hóa thạch trong một thông điệp rõ ràng rằng biến đổi khí hậu đang là mối quan tâm của các nhà đầu tư. Trong một tuyên bố, Glencore cho biết: "tập đoàn có vai trò quan trọng trong việc định hướng nền kinh tế sử dụng nhiên liệu phát thải carbon thấp. Chúng tôi thực hiện điều này thông qua các lĩnh vực đầu tư đã có vị thế trên thị trường bao gồm đồng, coban, niken, vanadi và kẽm - những mặt hàng làm nền tảng cho sản xuất điện và nền tảng di động. Chúng tôi tin rằng sự chuyển đổi này là một phần quan trọng của các biện pháp toàn cầu đối với các rủi ro ngày càng tăng do biến đổi khí hậu". Tập đoàn cho biết thêm sẽ giới hạn sản lượng than ở mức 150 triệu tấn vào năm 2020, tương tự như dự báo sản xuất cho năm 2019. Trong thông cáo của mình, Glencore cho biết: "Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nền kinh tế sử dụng nhiên liệu phát thải thấp, Glencore đặt mục tiêu ưu tiên đầu tư vốn của mình để phát triển các mặt hàng thiết yếu cho sản xuất điện và nền tảng di động cũng như hạn chế sản lượng than ở mức hiện tại". Một số người đã đặt câu hỏi liệu động thái này có đơn giản chỉ là một chiêu thức PR của tập đoàn này hay không, trong thời đại mà tình hình môi trường thay đổi một cách nhanh chóng. Tuy nhiên động thái này có thể khiến nguồn cung bị hạn chế và giá tăng lên.

Sản lượng than khai thác và nhập khẩu của Ukraine đều giảm trong tháng 1

Sản lượng than khai thác của Ukraine trong tháng 1 đạt 2,41 triệu tấn, giảm 9,1%, tương đương 240.000 tấn từ 2,65 triệu tấn trong tháng 1 năm 2018, theo thông tin từ Bộ Than và Điện lực hôm thứ 5. Sản lượng than khai thác ở khu vực Donetsk giảm 11,2% xuống còn 823.900 tấn trong tháng 1, trong khi sản lượng ở khu vực Luhansk giảm 35% xuống còn 32.100 tấn. Dữ liệu không bao gồm lượng than khai thác tại các khu vực do phiên quân thân Nga kiểm soát. Sản lượng ở khu vực Dnipropetrovsk giảm 7,1% xuống còn 1,43 triệu tấn, khai thác ở khu vực Lviv giảm 13,9% xuống còn 114.400 tấn và sản lượng tại khu vực Volyn giảm mạnh 67,5% xuống còn 2.600 tấn. Các mỏ thuộc sở hữu nhà nước đã sản xuất 307.800 tấn than trong tháng 1, giảm 23,2% so với 400.700 tấn trong tháng 1 năm 2018.

Sản xuất than của Ukraine đã bị gián đoạn kể từ tháng 6 năm 2014 do một cuộc xung đột vũ trang ở Donetsk và Luhansk, hai khu vực sản xuất than chính của nước này. Hiện tại, khoảng một nửa diện tích hai khu vực này được kiểm soát bởi chính phủ. Ukraine đã nhập khẩu 1,77 triệu tấn than nhiệt và than antraxit trị giá 263,7 triệu USD trong tháng 1, giảm 21,3% so với 2,25 triệu tấn trị giá 281,2 triệu USD tháng 1 năm 2018. Lượng than nhập khẩu giảm do chính phủ đang dần loại bỏ việc sử dụng than antraxit để sử dụng than nhiệt có sẵn trong nước. Trong tháng 1, 57,2% lượng than nhập khẩu của Ukraine đến từ Nga, 36,5% từ Hoa Kỳ và 4,7% từ Kazakhstan. Ukraine đã sản xuất được 33,29 triệu tấn than trong năm 2018, giảm 4,7% so với 34,93 triệu tấn sản xuất năm 2017. Ukraine

đã nhập khẩu 21,38 triệu tấn than, bao gồm cả than antraxit, trong năm 2018, tăng 8,1% so với 19,78 triệu tấn nhập khẩu năm 2017.

(Nguồn: www.spglobal.com)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	6,40	-0,40
	Queensland	Nhật Bản	7,05	-0,45
	New South Wales	Hàn Quốc	7,90	-0,45
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	7,65	+0,05
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	10,60	+0,10
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	10,65	+0,10
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	6,40	+0,00
	Australia	Trung Quốc	10,25	+0,05
	Australia	Ấn Độ	11,45	+0,05

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 19/02/2019)